

QUYẾT ĐỊNH

**Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà
thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 602/BC-SKHĐT
ngày 24/8/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. UBND huyện Cẩm Mỹ chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng Trạm cấp nước và cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm cấp nước áp 2 và áp 3 xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ; nội dung công việc theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục 02 đính kèm.	12.284.115.000 (Mười hai tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng chẵn). Trong đó: chi phí xây dựng: 9.586.475.000 đồng; chi phí thiết bị: 2.697.640.000 đồng.	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trộn gói	Tối 240 kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 02 (xây dựng và thiết bị): xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Đường dây và TBA; nội dung công việc theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục 02 đính kèm.	614.058.000 (Sáu trăm mười bốn triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn). Trong đó: chi phí xây dựng: 321.352.000 đồng; chi phí thiết bị: 292.706.000 đồng.	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trộn gói	Tối đa 120 kể từ ngày ký hợp đồng

PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Số lượng	Ký hiệu	Thành tiền
Gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị): Xây dựng Trạm cấp nước và cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm cấp nước áp 2 và áp 3 xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ				
A	Chi phí xây dựng			9.586.475.000
B	Chi phí thiết bị			2.697.640.000
I	Thiết bị trạm bơm áp 2			
1.	Bơm cấp I: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m3/h, H=60m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	82.500.000
2.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=8m3/h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	22.000.000
3.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=16m3/h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	2	77.000.000
4.	Bơm nước thải: Bơm chìm loại nước thải Q=10m3/h, H=10m, 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	11.000.000
5.	Bơm định lượng hoá chất: Q=0-100l/h; H=30m; 1phase/220v/50Hz. (Xuất xứ EU)	Cái	3	49.500.000
6.	Máy khuấy hoá chất: Công suất N=0.25kw, 1phase/220v/50Hz, cánh khuấy Inox 316 D.300. (Xuất xứ EU)	Cái	3	33.000.000
7.	Tủ điện bơm cấp I (TĐ1):	Tủ	1	44.000.000
8.	Tủ điện bơm cấp II (TĐ2):	Tủ	1	38.500.000
9.	Tủ điện hệ thống hóa chất (TĐ3):	Tủ	1	33.000.000
10.	Bồn lắng Lamén: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4800 - Tấm lắng Lamén LVA-PVC 30x1000x60 ⁰ .	Bồn	1	495.000.000
11.	Bồn lọc cát tự rửa: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4000 - Cát lọc Dmin = 0.5mm, Dmax = 1.2mm, Dtb = 0,6-0,65mm - Chụp lọc chuỗi ngắn ABS D.20, tiêu chuẩn 50 cái/m2.	Bồn	1	445.500.000
12.	Tủ đứng đựng hồ sơ	Tủ	1	2.200.000
13.	Bộ bàn ghế salon	Bộ	1	8.800.000
14.	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1	1.320.000
15.	Giường ngủ nhân viên	Bộ	2	4.400.000
16.	Máy vi tính văn phòng + máy in	Bộ	1	13.200.000
17.	Thiết bị PCCC gồm (02 bình PCCC, 01 bảng tiêu lệnh PCCC, 01 tủ PCCC)	Bộ	1	3.300.000

18.	Bếp ga loại 02 bếp	Cái	1	1.650.000
II	Thiết bị trạm bơm áp 3			
19.	Bơm cấp I: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=6,5m ³ /h, H=60m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	3	66.000.000
20.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=6,5m ³ /h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	19.800.000
21.	Bơm cấp II: Bơm chìm loại hỏa tiễn Q=15,75m ³ /h, H=40m, 3phase/380v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	2	66.000.000
22.	Bơm nước thải: Bơm chìm loại nước thải Q=10m ³ /h, H=10m, 1phase/220v/50Hz (Xuất xứ EU)	Cái	1	11.000.000
23.	Bơm định lượng hoá chất: Q=0-100l/h; H=30m; 1phase/220v/50Hz. (Xuất xứ EU)	Cái	3	49.500.000
24.	Máy khuấy hoá chất: Công suất N=0.25kw, 1phase/220v/50Hz, cánh khuấy Inox 316 D.300. (Xuất xứ EU)	Cái	3	33.000.000
25.	Tủ điện bơm cấp I (TĐ1):	Tủ	1	44.000.000
26.	Tủ điện bơm cấp II (TĐ2):	Tủ	1	38.500.000
27.	Tủ điện hệ thống hóa chất (TĐ3):	Tủ	1	33.000.000
28.	Bồn lắng Lamen: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4800 - Tấm lắng Lamen LVA-PVC 30x1000x60 ^o .	Bồn	1	495.000.000
29.	Bồn lọc cát tự rửa: Gia công bằng Inox 304 dày 4mm - Kích thước bồn AxBxH = 1800x1800x4000 - Cát lọc D _{min} = 0.5mm, D _{max} = 1.2mm, D _{tb} = 0,6- 0,65mm - Chụp lọc chuỗi ngắn ABS D.20, tiêu chuẩn 50 cái/m ² .	Bồn	1	445.500.000
30.	Tủ đứng đựng hồ sơ	Tủ	1	2.200.000
31.	Bộ bàn ghế salon	Bộ	1	8.800.000
32.	Bộ bàn ghế làm việc	Bộ	1	1.320.000
33.	Máy vi tính văn phòng + máy in	Bộ	1	13.200.000
34.	Thiết bị PCCC gồm (02 bình PCCC, 01 bảng tiêu lệnh PCCC, 01 tủ PCCC)	Bộ	1	3.300.000
35.	Bếp ga loại 02 bếp	Cái	1	1.650.000
	Tổng cộng (I+II)			12.284.115.000
Gói thầu số 02 (xây dựng và thiết bị): xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Đường dây và TBA				
I	Chi phí xây dựng			321.352.149
II	Chi phí thiết bị			292.706.286
1	Chi phí thiết bị đường dây			10.506.679
2	Thiết bị trạm biến áp			282.199.607
	Tổng cộng (I+II)			614.058.000

